

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN BA
TỈNH NINH THUẬN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày: 30 – 6 - 2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thiện

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Văn Tùng – Trưởng phòng Trung tâm y tế huyện.

2. Bà Pinăng Thị Nở – Phó chủ tịch Hội phụ nữ huyện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sầm A Tắc – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện BA.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA tham gia phiên tòa: Ông Tạ Yên Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện BA xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Th Ph, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn LLL, xã LL, huyện ĐD, tỉnh LĐ

2. *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc H, sinh năm 1978 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn ĐD, xã PTr, huyện BA - Ninh Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Võ Thị Ng Th (T), sinh năm 1979 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn LLL, xã LL, huyện ĐD, tỉnh LĐ

Người làm chứng:

Anh Trần Quang T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn LLL, xã LL, huyện ĐD, tỉnh LĐ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Th Ph trình bày:

Trong thời gian vợ chồng anh Trần Ngọc H và chị Võ Thị Ng Th còn sống chung vào ngày 05/01/2016, bà có thể chấp sổ đỏ tại Ngân hàng để vay số tiền 100.000.000 đồng, sau đó bà lấy số tiền này cho vợ chồng anh Trần Ngọc H vay lại để lấy vốn làm ăn, do là chỗ thân quen trong gia đình nên hai bên

không làm giấy tờ gì. Sau khi mượn tiền vợ chồng anh H đã trả tiền lãi cho bà Ph đến tháng 09/2017, nhưng từ tháng 10/2017 cho đến nay vợ chồng anh H không trả tiền lãi cho bà, ngày 06/11/2019 anh H viết giấy xác nhận còn nợ bà số tiền gốc 100.000.000 đồng. Đến nay anh H và chị Th đã ly hôn, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu hai người phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ tháng 10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng cộng 127.390.000 đồng (*Trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ tiền lãi 27.390.000 đồng*)

Bị đơn anh Trần Ngọc H trình bày:

Trong thời gian anh và chị Võ Thị Ng Th còn sống chung vào khoảng tháng 01/2016, hai người có vay của bà Nguyễn Th Ph số tiền 100.000.000 đồng, sau khi vay tiền anh đã trả tiền lãi cho bà Ph đến tháng 9/2017. Từ tháng 10/2017 cho đến nay anh và chị Th chưa trả tiền lãi cho bà Ph, ngày 06/11/2019 anh có làm giấy xác nhận còn nợ tiền gốc của bà Ph 100.000.000 đồng. Sau khi anh và chị Th ly hôn bà Ph làm đơn khởi kiện yêu cầu anh và chị Th phải có trách nhiệm trả số tiền 127.390.000 đồng (*Trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ tiền lãi 27.390.000 đồng*)

Anh đồng ý trả cho bà Ph số tiền 63.695.000 (Sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn) đồng (trong đó tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền nợ lãi 13.695.000 đồng). Phần còn lại anh đề nghị Tòa án buộc chị Th phải có trách nhiệm trả cho bà Ph số tiền 63.695.000 (Sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi lăm ngàn) đồng (trong đó tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền nợ lãi 13.695.000 đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Ng Th trình bày:

Ngoài tên gọi Võ Thị Ng Th, chị còn có tên gọi khác là Võ Thị Ng T, sự việc bà Nguyễn Th Ph trình bày có cho anh H và chị vay số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào tháng 01/2016 theo như lời trình bày ở trên thì chị không biết. Đến nay bà Ph làm đơn yêu cầu anh H và chị phải liên đới trả số tiền nợ 127.390.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ tiền lãi 27.390.000 đồng) thì chị không đồng ý. Anh H là người đã mượn và sử dụng số tiền của bà Ph, vì vậy anh H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ trên cho bà Ph.

Người làm chứng anh Trần Quang T trình bày:

Vào khoảng năm 2016 mẹ của anh bà Nguyễn Th Ph đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình tại Ngân hàng để vay số tiền 100.000.000 đồng, sau đó bà Ph cho vợ chồng anh H vay, do là chỗ thân quen nên hai bên không làm giấy tờ gì, chị Th là người đã nhận tiền của bà Ph. Hai bên cam kết hàng tháng vợ chồng anh H phải có trách nhiệm trả lãi cho ngân hàng, nhưng từ tháng 10/2017 đến nay vợ chồng anh H chưa trả tiền nợ tiền lãi cho bà Ph, vì vậy anh đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết buộc hai người phải trả cho bà Ph số tiền nợ gốc và tiền nợ lãi cho bà Ph.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo

quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự nguyên đơn bà Nguyễn Th Ph và bị đơn anh Trần Ngọc H, người có quyền lợi liên quan chị Võ Thị Ng Th và người làm chứng anh Trần Quang T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Nguyễn Th Ph và bị đơn anh Trần Ngọc H, hiện anh H đang sinh sống tại xã PTr, huyện BA nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BA theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung sự việc:

Trong thời gian vợ chồng anh Trần Ngọc H, chị Võ Thị Ng Th còn sống chung vào ngày 05/01/2016, bà Nguyễn Th Ph có thể chấp sổ đỏ tại Ngân hàng để vay số tiền 100.000.000 đồng, sau đó bà Ph lấy số tiền này cho vợ chồng anh H vay lại để lấy vốn làm ăn, do là chỗ thân quen nên hai bên không làm giấy tờ gì. Sau khi mượn tiền vợ chồng anh H đã trả tiền lãi cho bà Ph đến tháng 09/2017, nhưng từ tháng 10/2017 cho đến nay vợ chồng anh H không trả tiền lãi cho bà, ngày 06/11/2019 anh H viết giấy xác nhận còn nợ bà số tiền gốc 100.000.000 đồng. Đến nay anh H và chị Th đã ly hôn, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu hai người phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ tháng 10/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng cộng 127.390.000 đồng (*Trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ tiền lãi 27.390.000 đồng*).

Trong quá trình giải quyết vụ việc anh Trần Ngọc H có lời khai cho rằng đây là khoản nợ chung của anh H và chị Th trong thời kỳ hôn nhân nên chị Th phải có trách nhiệm liên đới trả một phần số tiền nợ cho bà Ph, chị Th không đồng ý và chị không thừa nhận có vay của bà Ph số tiền trên. Tại phiên tòa anh H và người làm chứng không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị Th có liên quan đến số tiền nợ anh H đã mượn của bà Ph, vì vậy không có căn cứ để buộc chị Th phải có trách nhiệm trả một phần số tiền nợ của bà Ph. Do đó đề nghị hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự, buộc anh Trần Ngọc H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 127.390.000 đồng (*Trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ tiền lãi 27.390.000 đồng*) cho bà Nguyễn Th Ph.

Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc anh Trần Ngọc H phải chịu 6.370.000 (*Sáu triệu ba trăm bảy mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Th Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm ngàn*) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014844 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BA.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 10/02/2020, bà Nguyễn Th Ph đã làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Trần Ngọc H phải trả khoản tiền nợ, hiện anh H đang làm ăn sinh sống tại xã PTr, huyện BA. Tòa án huyện BA áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Trong thời gian vợ chồng anh Trần Ngọc H và chị Võ Thị Ng Th còn sống chung vào ngày 05/01/2016, bà có thể chấp sổ đỏ tại Ngân hàng để vay số tiền 100.000.000 đồng, sau đó bà lấy số tiền này cho vợ chồng anh Trần Ngọc H vay lại để lấy vốn làm ăn, do là chỗ thân quen trong gia đình nên hai bên không làm giấy tờ gì. Sau khi mượn tiền vợ chồng anh H đã trả tiền lãi cho bà đến tháng 09/2017, nhưng từ tháng 10/2017 cho đến nay vợ chồng anh H không trả tiền lãi cho bà, nhiều lần bà đòi nợ, nhưng hai người vẫn chưa trả tiền cho bà, ngày 06/11/2019 anh H có viết giấy xác nhận còn nợ bà số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng. Đến nay anh H và chị Th đã ly hôn, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu hai người phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh từ tháng 10/2017 đến nay, tổng cộng 127.390.000 đồng (*Trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ tiền lãi 27.390.000 đồng*)

Trong quá trình giải quyết vụ việc anh Trần Ngọc H có lời khai cho rằng đây là khoản nợ chung của anh H và chị Th trong thời kỳ hôn nhân nên chị Th phải có trách nhiệm liên đới trả một phần khoản tiền nợ cho bà Ph, chị Th không đồng ý và chị không thừa nhận có vay của bà Ph số tiền trên. Tại phiên tòa anh H và người làm chứng không đưa ra được chứng cứ chứng minh chị Th có liên quan đến số tiền nợ anh H đã mượn của bà Ph, vì vậy không có căn cứ để buộc chị Th phải có trách nhiệm trả một phần của số tiền nợ của bà Ph. Do đó đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BA đề nghị Hội đồng xét xử, buộc anh Trần Ngọc H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 127.390.000 đồng (*Trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ tiền lãi 27.390.000 đồng*) cho bà Nguyễn Th Ph là phù hợp với các quy định tại khoản 1 Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của BLTTDS, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, buộc anh Trần Ngọc H phải chịu 6.370.000 (*Sáu triệu ba trăm bảy mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Th Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm ngàn*) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014844 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BA.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội. Khoản 1 Điều 288, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự:

1/ Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Th Ph về việc chị Võ Thị Ng Th phải có trách nhiệm liên đới trả một phần đối với số tiền anh Trần Ngọc H đã vay của bà Ph.

2/ Buộc anh Trần Ngọc H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ 127.390.000 đồng (*Trong đó tiền nợ gốc 100.000.000 đồng và nợ tiền lãi 27.390.000 đồng*) cho bà Nguyễn Th Ph.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Về án phí: Anh Trần Ngọc H phải chịu 6.370.000 (*Sáu triệu ba trăm bảy mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Th Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Ph số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.500.000 (*Hai triệu năm trăm ngàn*) đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014844 ngày 18/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BA.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện BA;
- Chi cục THADS huyện BA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Đức Thiện